

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số nội dung, mức chi
thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 9**

(Từ ngày 08/7/2019 đến ngày 10/7/2019)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu y tế dân số giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của liên Bộ: Tài chính - Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 của Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BTC ngày 15/3/2019 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Chương trình phát triển Tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 26/6/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 01/7/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 218/BC-UBND ngày 05/7/2019 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể

1. Sửa đổi Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 5/12/2014 của HĐND Thành phố quy định mức chi giải thưởng cuộc thi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo*).

2. Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước của thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*).

3. Quy định nội dung, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư của thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 03 kèm theo*).

4. Quy định nội dung, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện hoạt động sáng kiến của thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 04 kèm theo*).

5. Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách Thành phố hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (*Chi tiết theo Phụ lục 05 kèm theo*).

6. Quy định mức chi từ ngân sách Thành phố hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cho người đã được điều trị khỏi bệnh phong nhưng bị khuyết tật nặng, đặc biệt nặng và đảm bảo kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên tại Khu điều trị phong Quốc Oai, thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 06 kèm theo*).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết.

Trường hợp có nội dung và mức chi đặc thù cần thiết phải thực hiện ngay, phát sinh giữa 02 kỳ họp HĐND Thành phố, giao UBND Thành phố chủ động quyết định và báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất.


Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại các quy định nêu trên được sửa đổi, bổ sung thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Các Nghị quyết của HĐND Thành phố, gồm: số 02/2010/NQ-HĐND ngày 21/4/2010 quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước của thành phố Hà Nội; Phụ lục số 03 quy định mức chi giải thưởng cuộc thi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của thành phố Hà Nội (kèm theo Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của HĐND thành phố Hà Nội hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 08/7/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2019.

Nơi nhận: 

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Mặt trận tổ quốc Thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc

PHỤ LỤC 01

Sửa đổi Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 5/12/2014 của HĐND thành phố Hà Nội quy định mức chi giải thưởng cuộc thi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố)

TT	Nội dung chi	Mức chi cấp Thành phố tổ chức (đồng/giải thưởng)	Mức chi cấp sở, ngành, quận, huyện, thị xã tổ chức (đồng/giải thưởng)	Mức chi cấp xã, phường, thị trấn tổ chức (đồng/giải thưởng)
1	Giải nhất			
	Tập thể	10.000.000	5.000.000	2.500.000
	Cá nhân	6.000.000	3.000.000	1.500.000
2	Giải nhì			
	Tập thể	7.000.000	3.500.000	1.800.000
	Cá nhân	3.000.000	1.500.000	800.000
3	Giải ba			
	Tập thể	5.000.000	2.500.000	1.300.000
	Cá nhân	2.000.000	1.000.000	500.000
4	Giải khuyến khích			
	Tập thể	3.000.000	1.500.000	800.000
	Cá nhân	1.000.000	500.000	250.000
5	Giải phụ khác	500.000	250.000	150.000

PHỤ LỤC 02

Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước của thành phố Hà Nội *(không bao gồm các hội nghị quốc tế tổ chức luân phiên giữa các nước mà Việt Nam đang cai tổ chức tại Việt Nam và do lãnh đạo Đảng, Nhà nước chủ trì; chế độ đối với các đoàn đàm phán về công tác biên giới lãnh thổ; đàm phán gia nhập các Tổ chức Quốc tế; đàm phán ký kết các Hiệp định song phương, đa phương)*.

Các nội dung khác về cấp hạng khách quốc tế, lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và tiếp khách trong nước không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.
- Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

3. Quy định về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước:

3.1. Chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam: *Chi tiết tại Biểu số 01 đính kèm.*

3.2. Chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam: *Chi tiết tại Biểu số 02 đính kèm.*

3.3. Chế độ tiếp khách trong nước: *Chi tiết tại Biểu số 03 đính kèm.*

Các mức chi quy định tại Phụ lục này là mức chi đã bao gồm các khoản thuế, phí dịch vụ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp.
- Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Các khoản đóng góp, ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí (trong trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu phí được để lại để chi tiếp khách nước ngoài, chi hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước).

BIỂU SỐ 01 - PHỤ LỤC 02
Chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam

STT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
<i>1</i>	<i>Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam do Việt Nam đài thọ toàn bộ chi phí ăn, ở, đi lại trong nước:</i>		
<i>a</i>	<i>Chi đón, tiễn khách tại sân bay:</i>		
	- Chi tặng hoa cho các đối tượng sau: Trưởng đoàn và Phu nhân (Phu Quân) đối với khách hạng đặc biệt; tặng hoa trưởng đoàn khách hạng A và hạng B; tặng hoa trưởng đoàn khách hạng C là nữ.	500.000 đồng/1 người	
	- Chi thuê phòng chờ tại sân bay: Chi áp dụng đối với khách hạng đặc biệt, khách hạng A và khách hạng B	Giá thuê phòng chờ thanh toán căn cứ theo hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật	
<i>b</i>	<i>Tiêu chuẩn xe ô tô:</i>		
	- Khách hạng đặc biệt: Sử dụng xe lễ tân Nhà nước theo quy chế của Bộ Ngoại giao và các quy định hiện hành có liên quan		
	- Đoàn là khách hạng A: Trưởng đoàn bố trí một xe riêng. Phó đoàn và đoàn viên 3 người/một xe; riêng trường hợp Phó đoàn và đoàn viên là cấp Bộ trưởng bố trí 01 người/xe, phó đoàn và đoàn viên là cấp Thứ trưởng và tương đương 2 người/xe. Đoàn tùy tùng đi xe nhiều chỗ ngồi;	Giá thuê xe được thanh toán căn cứ vào hợp đồng thuê xe và hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật	
	- Đoàn là khách hạng B, hạng C: Trưởng đoàn bố trí một xe riêng; riêng trường hợp phó đoàn là cấp Thứ trưởng và cấp tương đương bố trí 02 người/xe; các đoàn viên trong đoàn đi xe nhiều chỗ ngồi;		
	- Tiêu chuẩn xe hộ tống, xe cảnh sát dẫn đường: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ và do Bộ Công an chịu trách nhiệm bảo đảm phương tiện thực hiện nhiệm vụ		
<i>c</i>	<i>Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở:</i>		
	- Khách hạng đặc biệt:	Tiêu chuẩn thuê chỗ ở do Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt	
	- Đoàn là khách hạng A: (giá thuê phòng có bao gồm cả bữa ăn sáng)		
	+ Trưởng đoàn:	5.500.000 đồng/người/ngày	

STT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
	+ Phó đoàn:	4.500.000 đồng/người/ngày	
	+ Đoàn viên:	3.500.000 đồng/người/ngày	
	- Đoàn là khách hạng B (giá thuê phòng có bao gồm cả bữa ăn sáng)		
	+ Trưởng đoàn, Phó đoàn	4.500.000 đồng/người/ngày	
	+ Đoàn viên	2.800.000 đồng/người/ngày	
	- Đoàn khách hạng C (giá thuê phòng có bao gồm cả bữa ăn sáng)		
	+ Trưởng đoàn:	2.500.000 đồng/người/ngày	
	+ Đoàn viên:	1.800.000 đồng/người/ngày	
	- Khách mời quốc tế khác (giá thuê phòng có bao gồm cả bữa ăn sáng)	800.000 đồng/người/ngày	
	- Trường hợp thuê chỗ ở không bao gồm tiền ăn sáng trong giá thuê phòng	Cơ quan, đơn vị tiếp khách chi tiền ăn sáng tối đa bằng 10% mức ăn của một người trong 01 ngày đối với từng hạng khách. Tổng mức tiền thuê chỗ ở trong trường hợp không bao gồm tiền ăn sáng và mức chi tiền ăn sáng cho khách không vượt quá mức chi thuê chỗ ở quy định nêu trên	
<i>d</i>	<i>Tiêu chuẩn ăn hàng ngày: (bao gồm 2 bữa trưa, tối):</i>		Mức chi ăn hàng ngày nêu trên bao gồm cả tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam)
	- Khách hạng đặc biệt:	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn	
	- Đoàn là khách hạng A:	1.500.000 đồng/người/ngày	
	- Đoàn là khách hạng B:	1.000.000 đồng/người/ngày	
	- Đoàn là khách hạng C:	800.000 đồng/người/ngày	
	- Khách mời quốc tế khác:	600.000 đồng/người/ngày	
	Trong trường hợp cần thiết phải có cán bộ của đơn vị đón tiếp đi ăn cùng đoàn:	Được tiêu chuẩn ăn như đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài	
<i>d</i>	<i>Tổ chức chiêu đãi:</i>		Mức chi bao gồm cả tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam) và được áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam tham gia tiếp khách (danh sách đại biểu phía Việt Nam được căn cứ theo chương trình, đề án đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt)
	- Khách hạng đặc biệt:	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn	
	- Đối với khách từ hạng A, hạng B, hạng C: Mỗi đoàn khách được tổ chức chiêu đãi một lần.	Mức chi chiêu đãi khách tối đa không vượt quá mức tiền ăn một ngày của khách quy định tại Điểm d Mục 1 Biểu 01 - Phụ lục 02 Nghị quyết này	
	- Tổ chức tiệc chia tay: Căn cứ tính chất, quan hệ ngoại giao của đoàn khách và tình hình thực tế, UBND Thành phố xem xét việc tổ chức tiệc chia tay đối với từng trường hợp cụ thể, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả	Mức chi tiệc chia tay khách tối đa không vượt quá mức tiền ăn một ngày của khách quy định tại Điểm d Mục 1 Biểu 01 - Phụ lục 02 Nghị quyết này	
	- Trong ngày tổ chức tiệc chiêu đãi, chia tay, thì bữa trưa (hoặc tối) còn lại (nếu có)	Được thực hiện theo tiêu chuẩn bằng 50% tiêu chuẩn ăn hàng ngày theo quy định	

STT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
e	<i>Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc:</i>		
	- Khách hạng đặc biệt:	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn	Mức chi trên được áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam tham gia tiếp khách. Danh sách đại biểu phía Việt Nam do đơn vị được giao chủ trì đón tiếp phê duyệt.
	- Đoàn là khách hạng A: Mức chi nước uống, hoa quả, bánh ngọt.	150.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày)	
	- Đoàn khách hạng B: Mức chi nước uống, hoa quả, bánh ngọt.	80.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày)	
	- Đoàn là khách hạng C, khách quốc tế khác: Mức chi nước uống, hoa quả, bánh ngọt.	60.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày)	
g	<i>Chi dịch thuật</i>		
	- Biên dịch:		Định mức chi dịch thuật nêu trên chỉ áp dụng trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có người biên dịch, phiên dịch không đáp ứng được yêu cầu, cần thiết phải đi thuê.
	+ Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha)	150.000 đồng/trang (350 từ)	
	+ Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc:	180.000 đồng/trang (350 từ)	
	+ Đối với các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc:	Tùy theo mức độ phổ biến của ngôn ngữ đó trên địa bàn cơ quan, đơn vị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với mức chi biên dịch nêu trên	
	- Dịch nói:		
	+ Dịch nói thông thường:	250.000 đồng/giờ/người, tương đương 2.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng	
	+ Dịch đũa (dịch đồng thời):	500.000 đồng/giờ/người, tương đương 4.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng	
	- Trong trường hợp đặc biệt tổ chức các hội nghị quốc tế có quy mô lớn hoặc các hội nghị song phương, đàm phán ký kết hiệp định, công ước, hội nghị chuyên ngành, đón tiếp đoàn khách hạng đặc biệt hoặc đoàn khách hạng A cần phải thuê phiên dịch có trình độ dịch đũa cao hơn quy định để đảm bảo chất lượng của hội nghị:	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị quyết định mức chi dịch nói cho phù hợp và phải tự sắp xếp trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện	
	- Trường hợp phải thuê phiên dịch tham gia đón tiếp đoàn khách tham dự hội nghị quốc tế	Tùy trường hợp cụ thể, cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định việc thanh toán các khoản chi phí đi lại (nếu có), phòng nghỉ, tiêu chuẩn ăn hàng ngày của người phiên dịch tối đa bằng chế độ đón tiếp đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài	

STT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
	- Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác biên, phiên dịch:	Được thanh toán tối đa bằng 50% mức chi biên, phiên dịch đi thuê ngoài. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quyết định mức chi cụ thể trong từng trường hợp và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị	
<i>h</i>	<i>Chi văn hóa, văn nghệ và tặng phẩm:</i>		
	* Chi văn hóa, văn nghệ:		
	- Đối với khách hạng đặc biệt:	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn	
	- Đối với khách hạng A, B và C:	Tùy từng trường hợp cụ thể, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong kế hoạch đón đoàn, nhưng tối đa mỗi đoàn chỉ được mời xem biểu diễn nghệ thuật một lần theo giá vé tại rạp hoặc theo hợp đồng biểu diễn	
	* Chi tặng phẩm:		Tặng phẩm là sản phẩm do Việt Nam sản xuất và thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc
	- Đối với khách hạng đặc biệt:	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn	
	- Đối với khách hạng A:		
	+ Trưởng đoàn:	1.300.000 đồng/người	
	+ Phụ nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn:	1.300.000 đồng/người	
	+ Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy từng trong kế hoạch, đề án đón đoàn, mức chi:	500.000 đồng/người	
	- Đối với khách hạng B:		
	+ Trưởng đoàn:	900.000 đồng/người	
	+ Phụ nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn:	900.000 đồng/người	
	+ Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy từng trong kế hoạch, đề án đón đoàn	500.000 đồng/người	
	- Đối với khách hạng C:		
	+ Trưởng đoàn:	700.000 đồng/người;	

STT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
	+ Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy từng trong kế hoạch, đề án đón đoàn	500.000 đồng/người;	
	- Tặng phẩm chung cho cả đoàn	Tối đa là 10.000.000 đồng/đoàn. Giao UBND Thành phố quyết định đối với từng trường hợp cụ thể, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả	
<i>i</i>	<i>Đi công tác địa phương và cơ sở:</i> Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì tiêu chuẩn đón tiếp như sau:		
	- Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp khách chịu trách nhiệm chi toàn bộ chi phí đưa đón khách từ nơi ở chính tới địa phương, cơ sở và chi phí ăn, nghỉ cho khách trong những ngày khách làm việc tại địa phương, cơ sở và chi dịch nói (nếu có)	Áp dụng mức chi quy định tại Điểm b, c, d Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này; chi dịch nói theo quy định tại Điểm g Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này	
	- Cơ quan, đơn vị ở địa phương hoặc cơ sở nơi khách đến thăm và làm việc chi tiếp khách xã giao và các buổi làm việc, chi dịch nói (nếu có):	Áp dụng mức chi quy định tại Điểm e Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này; chi dịch nói theo quy định tại Điểm g Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này	
	- Trường hợp cán bộ Việt Nam được cử tham gia đoàn tháp tùng khách đi thăm và làm việc ở địa phương	Được thực hiện chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố. Trường hợp đối ngoại phải ở cùng khách sạn với đoàn khách quốc tế, thì cán bộ Việt Nam được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở. Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 01 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở	
<i>k</i>	<i>Chi đưa khách đi tham quan:</i> Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định trong kế hoạch đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc đưa khách đi tham quan trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức	Mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại Điểm b, c, d Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này; thuê phòng chờ tại sân bay theo quy định tại Điểm a Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này; các mức chi được áp dụng cho cả cán bộ phía Việt Nam tham gia đưa đoàn đi tham quan. Số lượng cán bộ Việt Nam tham gia đoàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đón đoàn phê duyệt	
<i>l</i>	<i>Trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị:</i>		

STT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
	Trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Cơ quan, đơn vị chủ trì trong việc đón đoàn chịu trách nhiệm về chi phí đón, tiễn, tiền ăn, tiền thuê chỗ ở, đi lại của đoàn theo mức chi quy định tại Điểm a, b, c, d, đ Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này. Các cơ quan, đơn vị có kế hoạch, chương trình làm việc với đoàn sẽ chịu trách nhiệm chi phí tiếp đoàn trong thời gian đoàn làm việc với cơ quan, đơn vị mình theo mức chi tiếp khách áp dụng theo quy định tại Điểm e, g Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này.	
2	<i>Chế độ tiếp khách nước ngoài làm việc tại Việt Nam do Việt Nam chi một phần chi phí trong nước</i>		
2.1	<i>Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam do khách tự túc ăn, ở; Việt Nam chi các khoản đón tiếp đối ngoại khác</i>		
a	<i>Đối với khách đặc biệt:</i>	Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn	
b	<i>Cơ quan chủ trì đón tiếp đoàn vào được chi để đón tiếp đoàn như sau: Chi đón tiếp tại sân bay, chi phương tiện đi lại trong thời gian đoàn làm việc tại Việt Nam, chi tiếp xã giao các buổi làm việc; chi dịch thuật, chi văn hoá, văn nghệ và tặng phẩm. Trong trường hợp vì quan hệ đối ngoại xét thấy cần thiết thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp quyết định chi chiêu đãi hoặc chi mời cơm thân mật và phải được duyệt trong đề án, kế hoạch đón đoàn đối với khách hạng A, hạng B, hạng C</i>	Mức chi theo từng hạng khách như quy định tại Điểm a, b, đ, e, g, h Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này	
c	<i>Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định</i>	Chi đón tiếp như quy định tại Điểm i, Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này (trừ các khoản khách tự túc ăn, ở)	
d	<i>Trường hợp đoàn làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:</i>	Chi đón tiếp như quy định tại Điểm l, Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này.	

STT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
e	<i>Chi đưa khách đi tham quan các địa điểm trên địa bàn thành phố Hà Nội: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định trong kế hoạch đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức</i>	Mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại Điểm b, c, d Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này và được áp dụng cho cả cán bộ phía Việt Nam tham gia đưa đoàn đi tham quan. Số lượng cán bộ Việt Nam tham gia đoàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đón đoàn phê duyệt	
2.2	<i>Chế độ tiếp các đại sứ, trưởng đại diện các tổ chức quốc tế khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam:</i>		
	Cơ quan, đơn vị được tổ chức mời cơm thân mật khi chia tay đại sứ, trưởng đại diện các tổ chức quốc tế khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam, mức chi này bao gồm cả tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam); tặng phẩm cho đại sứ, trưởng đại diện các tổ chức quốc tế	- Mời cơm: 1.000.000 đồng/người	
		- Tặng phẩm: 900.000 đồng/người	
2.3	<i>Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam do khách tự túc mọi chi phí:</i>		
	Cơ quan, đơn vị có đoàn đến làm việc chỉ được chi để tiếp xã giao các buổi đoàn đến làm việc	Mức chi theo quy định tại Điểm e Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này	

BIỂU SỐ 02 - PHỤ LỤC 02
Chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam

STT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
1	Hội nghị quốc tế tổ chức tại Việt Nam do phía Việt Nam đài thọ toàn bộ chi phí		
<i>a</i>	<i>Đối với khách mời là đại biểu quốc tế do phía Việt Nam đài thọ</i>	<i>Áp dụng nội dung và mức chi quy định tại Mục 1 Biểu 01 – Phụ lục 02 Nghị quyết này</i>	
<i>b</i>	<i>Chi giải khát giữa giờ (áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam)</i>		
	- Khách hạng đặc biệt:	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn	
	- Đoàn là khách hạng A: Mức chi nước uống, hoa quả, bánh ngọt.	150.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày)	
	- Đoàn khách hạng B: Mức chi nước uống, hoa quả, bánh ngọt.	80.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày)	
	- Đoàn là khách hạng C: Mức chi nước uống, hoa quả, bánh ngọt.	60.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày)	
<i>c</i>	<i>Chi tiệc chiêu đãi cho đối tượng là đại biểu khách mời quốc tế khác (ngoài các đối tượng đã được quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC), đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam</i>	<i>Mức chi tối đa không vượt quá mức tiền ăn 01 ngày của khách mời quốc tế khác vào làm việc tại Việt Nam là 600.000 đồng/người</i>	
<i>d</i>	<i>Chi tặng phẩm cho đối tượng là đại biểu quốc tế tham dự hội nghị.</i>	<i>500.000 đồng/người</i>	
<i>e</i>	<i>Chế độ đối với cán bộ phía Việt Nam tham gia đón, tiếp khách quốc tế, phục vụ các hội nghị quốc tế</i>		
	- Chi thuê phòng nghỉ	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố	Trường hợp đối ngoại phải ở tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế, cán bộ phía Việt Nam được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard). Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 1 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế

STT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
	- Chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố	
	- Chi làm thêm giờ (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính	
g	<i>Chi khác</i>		
	- Chi thù lao cho các diễn giả, học giả (nếu có)		
	+ Diễn giả, học giả, chuyên gia, cố vấn là người nước ngoài:	Tùy theo mức độ cần thiết, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định việc mời diễn giả, học giả; thuê chuyên gia, cố vấn là người nước ngoài để phục vụ tổ chức hội nghị. Mức thù lao đối với diễn giả, học giả, chuyên gia, cố vấn là người nước ngoài do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị quyết định trên cơ sở thỏa thuận tùy theo tính chất, phạm vi công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đảm bảo phù hợp với khả năng nguồn kinh phí tổ chức hội nghị	
	+ Diễn giả, học giả, chuyên gia, cố vấn, người lao động là người Việt Nam:	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02 /2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Mức chi thù lao cụ thể theo ngày đối với diễn giả, học giả, chuyên gia, cố vấn, người lao động là người Việt Nam do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định đảm bảo phù hợp với khả năng nguồn kinh phí tổ chức hội nghị	
	- Chi dịch thuật		
	+ Biên dịch:		
	Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha)	150.000 đồng/trang (350 từ)	Định mức chi dịch thuật nêu trên chỉ áp dụng trong trường hợp cơ quan không có người phiên dịch cần thiết phải đi thuê.
	Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc:	180.000 đồng/trang (350 từ)	
	Đối với các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc:	Tùy theo mức độ phổ biến của ngôn ngữ đó trên địa bàn cơ quan, đơn vị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với mức chi biên dịch nêu trên	

STT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
	+ Dịch nói:		
	Dịch nói thông thường:	250.000 đồng/giờ/người, tương đương 2.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng	
	Dịch đũa (dịch đồng thời):	500.000 đồng/giờ/người, tương đương 4.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng	
	+ Trong trường hợp đặc biệt tổ chức các hội nghị quốc tế có quy mô lớn hoặc các hội nghị song phương, đàm phán ký kết hiệp định, công ước, hội nghị chuyên ngành, đón tiếp đoàn khách hạng đặc biệt hoặc đoàn khách hạng A cần phải thuê phiên dịch có trình độ dịch đũa cao hơn quy định để đảm bảo chất lượng của hội nghị:	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị quyết định mức chi dịch nói cho phù hợp và phải tự sắp xếp trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện	
	+ Trường hợp phải thuê phiên dịch tham gia đón tiếp đoàn khách tham dự hội nghị quốc tế	Tùy trường hợp cụ thể, cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định việc thanh toán các khoản chi phí đi lại (nếu có), phòng nghỉ, tiêu chuẩn ăn hàng ngày của người phiên dịch tối đa bằng chế độ đón tiếp đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài	
	+ Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác biên, phiên dịch:	Được thanh toán tối đa bằng 50% mức chi biên, phiên dịch đi thuê ngoài. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quyết định mức chi cụ thể trong từng trường hợp và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị	
	- Chi giấy bút, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, tuyên truyền, trang trí, thuê hội trường hoặc phòng họp, thuê thiết bị (nếu có), tiền làm cờ, phù hiệu hội nghị, chi thuê phiên dịch, bảo vệ, thuốc y tế, các khoản chi cần thiết khác	Thực hiện trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật và trong dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt.	
2	Hội nghị quốc tế tổ chức tại Việt Nam do phía Việt Nam và phía nước ngoài phối hợp tổ chức		
	Đối với những nội dung chi thuộc trách nhiệm của phía Việt Nam	Căn cứ vào chế độ chi tiêu hiện hành và các mức chi được quy định tại Mục 1Biểu 02 – Phụ lục 02 Nghị quyết này để thực hiện	Khi xây dựng dự toán cần làm rõ những nội dung thuộc trách nhiệm của phía nước ngoài chi, những nội dung thuộc trách nhiệm của phía Việt Nam chi để tránh chi trùng



BIỂU SỐ 03 - PHỤ LỤC 02
Chế độ tiếp khách trong nước

STT	Nội dung chi	Liên số đề xuất	Ghi chú
1	Đối với khách đến làm việc tại cơ quan, đơn vị:		
	- Chi giải khát:	30.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người	
	- Chi mời cơm:	300.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống)	- UBND Thành phố quy định đối tượng khách được mời cơm đối với từng loại hình cơ quan thuộc Thành phố đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. - Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Đối tượng khách được mời cơm do thủ trưởng đơn vị xem xét quyết định và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị
2	Thuê phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại (trường hợp tiếp khách dân tộc thiểu số)	Áp dụng bằng mức thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố	

PHỤ LỤC 03

Quy định nội dung, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư của thành phố Hà Nội (Kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi và nguồn kinh phí thẩm định công nghệ dự án đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định công nghệ dự án đầu tư của thành phố Hà Nội.

3. Các nội dung, mức chi thực hiện hoạt động thẩm định công nghệ do ngân sách Thành phố đảm bảo

STT	Nội dung chi	Mức chi
1	Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ	
	Chủ tịch hội đồng	1.500.000 đồng/người
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	1.000.000 đồng/người
	Thư ký	300.000 đồng/người
	Đại biểu mời tham dự	200.000 đồng/người
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	500.000 đồng/phiếu nhận xét đánh giá
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện trong hội đồng	700.000 đồng/phiếu nhận xét đánh giá
2	Lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập	500.000 đồng/phiếu nhận xét
3	Hội nghị tư vấn	
	Chủ trì hội nghị	1.500.000 đồng/người
	Thư ký hội nghị	300.000 đồng/người
	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người
4	Chi ăn, ở, đi lại của chuyên gia, thành viên hội đồng tư vấn khoa học công nghệ (trong trường hợp ở xa)	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố.
5	Thuê chuyên gia tư vấn độc lập (trong trường hợp cần thiết)	
	- Thuê chuyên gia tư vấn độc lập trong nước	Do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định và tối đa không quá 10.000.000 đồng/chuyên gia

STT	Nội dung chi	Mức chi
	<p>- Thuê chuyên gia tư vấn độc lập nước ngoài</p>	<p>(1) Trường hợp mức chi thuê chuyên gia không vượt quá mức chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập trong nước quy định tại quy định này là 10.000.000 đồng/chuyên gia, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mức chi đối với chuyên gia tư vấn độc lập nước ngoài trên cơ sở thoả thuận tùy theo chất lượng chuyên gia;</p> <p>(2) Trường hợp mức chi thuê chuyên gia cao hơn mức 10.000.000 đồng/chuyên gia, trên cơ sở đề xuất mức chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập nước ngoài, cơ quan chủ trì thẩm định chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND Thành phố xin ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố đối với từng trường hợp cụ thể làm cơ sở triển khai thực hiện</p>

4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức lấy ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư được thực hiện như sau:

- Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước.

- Trong giai đoạn quyết định đầu tư do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư.

PHỤ LỤC 04

Quy định nội dung, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện hoạt động sáng kiến của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung quy định tại Điều 8, Khoản 1 Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động sáng kiến theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các nội dung, mức chi thực hiện hoạt động sáng kiến do ngân sách thành phố đảm bảo

STT	Nội dung chi	Mức chi
1	Hội đồng sáng kiến	
	Chủ tịch Hội đồng	500.000 đồng/buổi họp
	Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng, Thư ký	200.000 đồng/người/buổi họp
	Các thành phần khác tham gia Hội đồng	100.000 đồng/người/buổi họp
	Chi nhận xét, đánh giá (chi áp dụng đối với Hội đồng sáng kiến cấp Thành phố)	500.000/phiếu
	Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ họp Hội đồng	Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo để hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi sáng kiến (gồm: sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội, sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực hành chính, sự	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố

STT	Nội dung chi	Mức chi
	nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật)	
3	Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến	Thực hiện theo các quy định về chế độ và định mức chi hiện hành, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt
4	Tổ chức Hội chợ, triển lãm giao dịch về sáng kiến (gồm hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan)	Mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/1 đơn vị tham gia
5	Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính.
6	Thông tin, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.	Thực hiện theo hình thức lập dự toán theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt
7	Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ với mục đích nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2, Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016.

STT	Nội dung chi	Mức chi
	cho các tổ chức, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến	
8	Hội nghị tổng kết hoạt động sáng kiến các cấp, các ngành.	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố

4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách để thực hiện hoạt động sáng kiến thuộc trách nhiệm thực hiện của cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

+ Ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí đối với hoạt động sáng kiến tại các cơ quan quản lý nhà nước (nguồn ngân sách chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước) và các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động (nguồn ngân sách chi hoạt động sự nghiệp của đơn vị).

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên được hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị trên cơ sở khả năng thu của đơn vị và được sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để thực hiện hoạt động sáng kiến.

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để thực hiện hoạt động sáng kiến.

- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

5. Thời gian thực hiện

Mức chi hội đồng sáng kiến quy định tại Phụ lục này hết hiệu lực thi hành khi văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định về chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp có hiệu lực thi hành.

PHỤ LỤC 05

Quy định nội dung và mức chi ngân sách Thành phố hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung và mức chi ngân sách Thành phố hỗ trợ thực hiện Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là Chương trình).

Các nội dung khác về lập dự toán, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước và công tác kiểm tra tài chính thực hiện Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Chương trình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Quy định nội dung và mức chi ngân sách Thành phố hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020

TT	Nội dung chi	Mức chi
I	Thực hiện nhiệm vụ nâng cao nhận thức, năng lực tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ	
1	Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tài sản trí tuệ	Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.
2	Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tài sản trí tuệ; biên soạn, phát hành tài liệu về tài sản trí tuệ	Thực hiện theo Phụ lục số 2 Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 5/12/2018 của HĐND Thành phố quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội
3	Tổ chức hội nghị, hội thảo để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ	Thực hiện theo Phụ lục số 3 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố ban hành mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội

TT	Nội dung chi	Mức chi
4	<p>Hỗ trợ kinh phí để thiết kế, xây dựng bộ công cụ tra cứu, các gói thông tin sở hữu trí tuệ chuyên ngành; xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ.</p>	<p>Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Phụ lục số 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND Thành phố quy định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên. - Hỗ trợ 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. - Hỗ trợ 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp và các tổ chức khác
II	<p>Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và bảo vệ tài sản trí tuệ</p>	
1	<p>Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ trong nước đối với các sản phẩm, dịch vụ, ưu tiên các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: 30 triệu đồng/đơn. - Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: 15 triệu đồng/đơn. - Đối với giống cây trồng mới: 30 triệu đồng/đơn. - Đối với nhãn hiệu tập thể mang địa danh: Hỗ trợ 100% tổng dự toán kinh phí thực hiện và Dự toán được xây dựng dưới hình thức các dự án khoa học và công nghệ theo quy định tại Phụ lục 2 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố
2	<p>Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với các sản phẩm, dịch vụ là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới</p>	<p>Mức hỗ trợ 60 triệu đồng/đơn</p>

TT	Nội dung chi	Mức chi
3	Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương mang địa danh đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; áp dụng sáng chế của Việt Nam, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ tại Việt Nam, áp dụng giống cây trồng mới.	- Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Phụ lục số 2 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND Thành phố
4	Hỗ trợ kinh phí triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ	- Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Phụ lục số 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND Thành phố - Mức hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện nhiệm vụ
5	Hỗ trợ kinh phí tổ chức trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm hại quyền sở hữu trí tuệ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan)	Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia
6	Hỗ trợ quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương mang địa danh chưa được bảo hộ nhãn hiệu tập thể sau khi có phê duyệt danh mục dự án đặt hàng của cấp có thẩm quyền	Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Phụ lục số 2 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND Thành phố. Hỗ trợ 100% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.
III	Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ khai thác thương mại và phát triển tài sản trí tuệ	

TT	Nội dung chi	Mức chi
1	<p>Hỗ trợ kinh phí cho nhiệm vụ giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác cho các tài sản trí tuệ của Việt Nam ở trong và ngoài nước; khai thác, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; thương mại hóa tài sản trí tuệ.</p>	<p>Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Phụ lục số 2 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND Thành phố ngày 8/12/2016 của HĐND Thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên. - Hỗ trợ 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. - Hỗ trợ 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp và các tổ chức khác
2	<p>Hỗ trợ kinh phí định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ (tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại, nhãn hiệu của các doanh nghiệp).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Phụ lục số 2 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND Thành phố. - Mức hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện nhiệm vụ
IV	<p>Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng các tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo cá nhân được hình thành từ thực tiễn</p>	
1	<p>Hỗ trợ kinh phí tư vấn, hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho cá nhân có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật và các thành quả sáng tạo khác đã được các tổ chức, hiệp hội hoặc cấp có thẩm quyền công nhận; hoàn thiện, khai thác, áp dụng các tài sản trí tuệ và thành quả sáng tạo, đặc biệt là các tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo cá nhân có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Phụ lục số 2 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND Thành phố.

TT	Nội dung chi	Mức chi
2	Tổ chức vinh danh, khen thưởng các cá nhân điển hình có tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo được áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội	Thực hiện theo mức chi áp dụng đối với hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật do các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng.
V	Công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình	
1	Chi thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Chương trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình	Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.
2	Tuyển chọn các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ của Chương trình; tổ chức áp dụng, phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ; thuê chuyên gia tư vấn (nếu cần thiết) về các nội dung, nhiệm vụ phát sinh trong quá trình quản lý và tổ chức triển khai Chương trình	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 2 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND Thành phố
3	Chi điều tra, khảo sát để xây dựng và triển khai các hoạt động nhằm chỉ đạo và tổ chức triển khai Chương trình. Nội dung, số lượng các cuộc điều tra, khảo sát được thực hiện theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND thành phố Hà Nội quy định nội dung và mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách Thành phố đảm bảo
4	Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 3 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố ban hành mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội
5	Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc)	Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

TT	Nội dung chi	Mức chi
6	Chi đoàn ra, đoàn vào	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Phụ lục số 02 Nghị quyết này.
7	Chi mua sắm trang thiết bị văn phòng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình	Thực hiện theo các quy định hiện hành về tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định về việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.
8	Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động chung của Chương trình	Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt

4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách cấp Thành phố.
- Kinh phí của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.
- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

PHỤ LỤC 06

Quy định mức chi từ ngân sách Thành phố hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cho người đã được điều trị khỏi bệnh phong nhưng bị khuyết tật nặng, đặc biệt nặng và đảm bảo kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên tại Khu điều trị phong Quốc Oai, thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi từ ngân sách Thành phố hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cho người đã được điều trị khỏi bệnh phong nhưng bị khuyết tật nặng, đặc biệt nặng và đảm bảo kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên tại Khu điều trị phong Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

- Bệnh nhân phong đã được điều trị khỏi bệnh phong tại khu điều trị phong Quốc Oai thành phố Hà Nội.
- Viên chức, lao động làm việc tại khu điều trị phong Quốc Oai thuộc Bệnh viện Da Liễu Hà Nội.

3. Mức chi từ ngân sách Thành phố hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cho người đã được điều trị khỏi bệnh phong nhưng bị khuyết tật nặng, đặc biệt nặng và đảm bảo kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên tại Khu điều trị phong Quốc Oai, thành phố Hà Nội

3.1. Mức chi để thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc bệnh nhân phong đã được điều trị khỏi bệnh phong nhưng bị khuyết tật nặng và đặc biệt nặng

- Đối tượng khuyết tật nặng là: 875.000 đồng/người/tháng.
- Đối tượng khuyết tật nặng là người cao tuổi hoặc trẻ em là: 1.050.000 đồng/người/tháng.
- Đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng là: 1.050.000 đồng/người/tháng.
- Đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi hoặc trẻ em là: 1.225.000 đồng/người/tháng.

3.2. Kinh phí để duy trì hoạt động thường xuyên đảm bảo công tác nuôi dưỡng, chăm sóc bệnh nhân phong đã được điều trị khỏi bệnh phong nhưng bị khuyết tật nặng và đặc biệt nặng tại khu điều trị phong Quốc Oai thuộc Bệnh viện Da liễu Hà Nội, bao gồm:

- Quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương của biên chế được cấp có thẩm quyền giao thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dưỡng bệnh nhân phong đã được điều trị khỏi bệnh phong

- Các khoản chi thường xuyên của bộ máy thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc bệnh nhân phong đã được điều trị khỏi bệnh phong được tính theo định

mức chi khác của đơn vị dự toán quản lý hành chính cấp 2 trên cơ sở biên chế được giao.

4. Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp Thành phố.